

Số: 133/BC-UBND

Đắk Sao, ngày 10 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã
03 tháng đầu năm 2026**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Đắk Sao về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn xã Đắk Sao.

UBND xã Đắk Sao báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 03 tháng đầu năm 2026, cụ thể như sau:

I. THU SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: Thực hiện 03 tháng đầu năm 2026 là 416,86 triệu đồng, đạt 46,06% dự toán HĐND xã giao đầu năm, trong đó:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 314,82 triệu đồng. Đạt 88,68% dự toán giao.
- Thuế thu nhập cá nhân 3,73 triệu đồng. Đạt 2,87% dự toán giao.
- Thu phí và lệ phí 98,28 triệu đồng. Đạt 31,7% dự toán giao.
- Thu khác 0,04 triệu đồng. Đạt 0,03% dự toán giao.

2. Tổng thu ngân sách xã: Thực hiện 03 tháng đầu năm là 49.658,89 triệu đồng, đạt 49,55% dự toán HĐND xã giao đầu năm, trong đó:

2.1. Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp: 416,82 triệu đồng. Đạt 49,33% dự toán giao.

2.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 29.800,5 triệu đồng, gồm:

- Bổ sung cân đối ngân sách: 19.929 triệu đồng. Đạt 25% dự toán giao.
- Bổ sung có mục tiêu: 9.871,5 triệu đồng. Đạt 50,24% dự toán giao.

2.3. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 19.441,57 triệu đồng.

II. CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực hiện chi 03 tháng đầu năm là 26.159,02 triệu đồng, đạt 26,1% dự toán HĐND giao đầu năm, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 324,67 triệu đồng, đạt 10,82% dự toán giao.
- Chi thường xuyên: 25.834,35 triệu đồng, đạt 34,01% dự toán giao.

(Chi tiết tại các Biểu kèm theo)

UBND xã Đăk Sao báo cáo công khai để các cơ quan, đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, 02 PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành;
- Các đơn vị trường học;
- Trang thông tin điện tử xã (đăng tin);
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Thành Long



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-UBND ngày 10/4/2026 của UBND xã Đắk Sao)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	thực hiện		Quý I tháng so (%)	
			Quý I	Lũy kế đến Quý I	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5,00
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	905,00	416,86	416,86	46,06	
I	Thu nội địa	905,00	416,86	416,86	46,06	
II	Thu từ dầu thô				-	
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				-	
IV	Thu viện trợ				-	
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	100.210,00	49.658,89	49.658,89	49,55	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	845,00	416,82	416,82	49,33	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	360,00	98,28	98,28	27,30	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)	-			-	
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	485,00	318,54	318,54	65,68	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	99.365,00	29.800,50	29.800,50	29,99	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	79.717,00	19.929,00	19.929,00	25,00	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	19.648,00	9.871,50	9.871,50	50,24	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				-	
IV	Thu kết dư				-	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		19.441,57	19.441,57	-	
C	TỔNG CHI NSDP	100.210,00	26.159,02	26.159,02	26,10	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	80.562,00	26.159,02	26.159,02	32,47	
1	Chi đầu tư phát triển	3.000,00	324,67	324,67	10,82	
2	Chi thường xuyên	75.951,00	25.834,35	25.834,35	34,01	
3	Chi cho vay			-	-	
4	Chi viện trợ			-	-	
5	Chi trả nợ lãi			-	-	
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	-	
7	Dự phòng NSNN	1.611,00	-	-	-	
8	Các nhiệm vụ chi khác			-	-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên	19.648,00	-	-	-	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				-	

THỰC HIỆN THU NSNN 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-UBND ngày 10/4/2026 của UBND xã Đắk Sao)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Quý I so (%)	
			Quý I	Lũy kế đến quý I	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	905,00	416,86	416,86	46,06	
I	Thu nội địa	905,00	416,86	416,86	46,06	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				-	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN				-	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	355,00	314,82	314,82	88,68	
4	Thuế thu nhập cá nhân	130,00	3,73	3,73	2,87	
5	Thuế bảo vệ môi trường				-	
6	Các loại phí, lệ phí	310,00	98,28	98,28	31,70	
	Trước: Lệ phí trước bạ	300,00	96,71	96,71	32,24	
7	Các khoản thu về nhà, đất	-	-	-	-	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				-	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				-	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước				-	
-	Thu tiền sử dụng đất				-	
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN				-	
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển				-	
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công				-	
10	Thu từ hoạt động xổ số				-	
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển				-	
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước				-	
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế				-	
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước				-	
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác				-	
14	Thu khác ngân sách	110,00	0,04	0,04	0,03	
II	Thu từ dầu thô				-	
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				-	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu				-	
2	Thuế xuất khẩu				-	
3	Thuế nhập khẩu				-	
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu				-	
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu				-	
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu				-	
7	Thuế khác				-	
IV	Thu viện trợ				-	
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác				-	
1	Thuế GTGT				-	
2	Thuế TTĐB				-	
3	Hoàn các khoản thu khác				-	



STT	Nội dung	Dự toán	thực hiện		Quý I so (%)	
			Quý I	Lũy kế đến quý I	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	845,00	416,82	416,82	49,33	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	485,00	318,54	318,54	65,68	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)	-		-	-	
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	360,00	98,28	98,28	27,30	





THỰC HIỆN CHI NSNN 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-UBND ngày 10/4/2026 của UBND xã Đắk Sao)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Thực hiện		Quý I so (%)	
			Quý I	Lũy kế đến quý I	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	100.210,00	26.159,02	26.159,02	26,10	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	80.562,00	26.159,02	26.159,02	32,47	
I	Chi đầu tư phát triển	3.000,00	324,67	324,67	10,82	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	3.000,00			-	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia		324,67	324,67	-	
II	Chi trả nợ lãi			-	-	
III	Chi thường xuyên	75.951,00	25.834,35	25.834,35	34,01	
	Trong đó:			-	-	
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	48.279,00	10.747,55	10.747,55	22,26	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-		-	-	
IV	Chi cho vay			-	-	
V	Chi viện trợ			-	-	
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	-	
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	1.611,00		-	-	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế			-	-	
IX	Các nhiệm vụ chi khác			-	-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS CẤP TRÊN CHO NSDP	19.648,00	-	-	-	
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án			-	-	
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	19.648,00			-	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				-	



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-UBND ngày 10/4/2026 của UBND xã Đắk Sao)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương			Quỹ dự trữ tài chính		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NSTW bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại	Số dư đầu năm	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5	7	8	9=7-8
	Tổng số	1.611	30	1.581	-	-	-	-	-	-
1	Chi đầu tư phát triển									
2	Chi thường xuyên	1.611	30	1.581						